

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2018/DS-ST

Ngày 19-7- 2018.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ
2. Ông Dương Văn Hai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phú Quý-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST – DS ngày 03 tháng 4
năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 1500/2018/QĐST – DS ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị L**, sinh năm 1982; địa chỉ: 77/1 ấp AH, xã N,
huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: **Phạm Thị L1**, sinh năm 1987; **Đoàn Văn M**, sinh năm 1989;
cùng địa chỉ: 335/1 ấp AĐ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị L1 và anh M vắng
mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn
Lê Thị L trình bày:***

Vào năm 2014 chị có làm chủ hụi, chị L1 có tham gia chơi với chị nhiều
dây hụi. Do việc măn hụi đã lâu nên chị không nhớ rõ thời gian khai, măn hụi và

số tiền cụ thể của từng dây hụi nên không thể trình bày cụ thể được. Đến năm 2016 do chị L1 không có tiền đóng hụi chết cho chị nên vào ngày 09/7/2016 hai bên có tổng kết nợ thì chị L1 còn nợ chị tổng số tiền 177.000.000 đồng; chị có viết biên nhận và chị L1 có ký tên vào biên nhận thừa nhận còn nợ chị số tiền nêu trên.

Mục đích chị L1 chơi hụi là để làm vốn nuôi tôm thẻ chân trắng và xoay sở chung trong gia đình. Anh M không trực tiếp chơi hụi với chị nhưng khi chị gom tiền hụi thì anh M hoàn toàn biết. Mục đích chị L1 chơi hụi để sử dụng chung trong gia đình và thời điểm chơi hụi thì cuộc sống hôn nhân giữa chị L1 và anh M vẫn hạnh phúc.

Chị L1 và anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho chị từ ngày 09/8/2016 đến ngày 26/3/2018; số tiền lãi từ ngày 09/8/2016 đến ngày 26/3/2018 tính theo mức lãi suất 0,75%/tháng với số tiền: 177.000.000 đồng x 19 tháng 17 ngày x 0,75%/tháng = 25.975.000 đồng. Tuy nhiên chị tự nguyện yêu cầu chị L1 và anh M phải liên đới trả cho chị số tiền lãi là 19.294.000 đồng và không yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 27/3/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L1 và anh M phải liên đới trả cho chị số tiền nợ gốc là 177.000.000 đồng và tiền lãi là 19.294.000 đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu chị L1 và anh M phải liên đới trả là 196.294.000 đồng

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2018 bị đơn Phạm Thị L1 trình bày:

Từ năm 2008 đến năm 2016 chị có tham gia chơi hụi với chị L do chị L làm chủ hụi. Do thời gian đã lâu nên chị không nhớ thời gian khui và mãn hụi là khi nào. Đến ngày 09/7/2016 chị và chị L có tổng kết nợ thì tổng cộng vốn và lãi chị còn nợ lại chị L là 177.000.000 đồng nhưng chị không nhớ cụ thể số tiền lãi là bao nhiêu. Sau khi hốt hụi chị không có tiền đóng hụi chết lại thì chị L tính lãi như sau: 60.000 đồng/1 triệu đồng/1tháng. Chị thừa nhận chữ ký trong giấy nợ tiền ngày 09/7/2016 do chị L cung cấp là chữ ký của chị.

Mục đích chị chơi hụi là để làm vốn nuôi tôm thẻ chân trắng nhưng do nuôi tôm thua lỗ nên chị không có tiền góp hụi chết cho chị L. Việc nuôi tôm là để phát triển kinh tế chung trong gia đình. Anh Đoàn Văn M là chồng chị cũng đi làm về đưa tiền cho chị chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình nhưng việc chị chơi hụi và nợ tiền chị L thì anh M không biết.

Qua yêu cầu của chị L thì chị có ý kiến như sau: do việc chơi hụi đã tính lãi nên chị không đồng ý trả số tiền lãi là 19.294.000 đồng theo yêu cầu của chị

L. Đối với số tiền 177.000.000 đồng thì chị đồng ý trả nhưng có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Mặc dù anh M không biết việc chị chơi hụi và nợ tiền của chị L nhưng nay anh M đồng ý liên đới với chị để trả số tiền 177.00.000 đồng cho chị L thì chị cũng đồng ý.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2018 bị đơn Đoàn Văn M trình bày:

Anh là lao động chính trong gia đình; khi anh đi làm có thu nhập thì anh đều đưa hết cho vợ anh là chị Phạm Thị L1 để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Vào năm 2008 anh và chị L1 có nuôi tôm thẻ chân trắng. Số tiền tôm giống và tiền thức ăn nuôi tôm do chị L1 chi tiêu nên anh hoàn toàn không biết nguồn gốc từ đâu mà có do chị L1 không nói. Anh khẳng định việc chị L1 chơi hụi và nợ tiền của chị L thì anh hoàn toàn không biết. Tuy nhiên qua yêu cầu của chị L thì anh đồng ý liên đới với chị L1 để trả cho chị L số tiền 177.000.000 đồng và có yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ L1 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định hiện nay chị Phạm Thị L1 và anh Đoàn Văn M còn nợ chị Lê Thị L số tiền hụi chết là 177.000.000 đồng. Do chị L1, anh M đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết cho chị L trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 305, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ quy định về hụi, biếu, phường chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L; buộc chị Phạm Thị L1 và anh Đoàn Văn M phải liên đới trả cho chị L số tiền 196.294.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp về hui, họ, biểu phường” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phạm Thị L1, Đoàn Văn M hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 335/1 ấp AD, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị L1, anh M các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị L1, anh M không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ và tham dự phiên họp và hòa giải, tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L1, anh Đoàn Văn M.

[4] Về nội dung vụ án: chị L khởi kiện yêu cầu chị L1, anh M có trách nhiệm trả cho chị L số tiền nợ hui là 177.000.000 đồng và tiền lãi là 19.294.000 đồng. Chị L1, anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào nội dung biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/5/2018 chị L1, anh M đồng ý liên đới trả số tiền 177.000.000 đồng cho chị L nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên và không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị L.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, xét thấy: hợp đồng góp hui giữa chị L với chị L1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện chị L1 đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Chị L1 có tham gia chơi hui với chị L do chị L làm chủ hui và hiện nay chị L1 còn nợ chị L số tiền nợ gốc 177.000.000 đồng căn cứ vào chứng cứ do chị L cung cấp là giấy nợ ngày 09/7/2016 được chị L1 thừa nhận. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Phạm Thị L1, Đoàn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có L1 do nên chị L1, anh M đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù chị L1 và anh M trình bày anh M không biết việc chị L1 chơi hui và nợ tiền của chị L nhưng chị L1, anh M đều thừa nhận mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do chị L1 chi tiêu nên

anh M cũng đồng ý liên đới với chị L1 để trả tiền cho chị L. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ nên cần buộc chị L1 và anh M có trách nhiệm liên đới trả cho chị L số tiền 177.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu trả lãi của chị L, xét thấy: tại phiên tòa chị L tự nguyện yêu cầu chị L1 và anh M phải liên đới trả cho chị số tiền lãi là 19.294.000 đồng; số tiền lãi chị L yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó cần buộc chị L1 và anh M phải liên đới trả cho chị L số tiền lãi 19.294.000 đồng là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của chị L1, anh M, xét thấy: khi chị L1 kêu gọi để được hốt hui thì chị L giao đầy đủ cho chị L1 nhưng sau khi hốt hui xong thì chị L1 không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho chị L làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị L trong một thời gian dài. Hiện chị L1, anh M không chứng minh được kinh tế gia đình anh, chị đang gặp khó khăn và tại phiên tòa chị L không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của chị L1, anh M; do đó yêu cầu trả nợ dần của chị L1, anh M không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Chị Phạm Thị L1, anh Đoàn Văn M phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 196.294.000 \text{ đồng} = 9.814.700 \text{ đồng}$.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ–CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

Buộc chị Phạm Thị L1 và anh Đoàn Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền là 196.294.000 (Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị L1 và anh Đoàn Văn M phải liên đới nộp 9.814.700 (Chín triệu tám trăm mười bốn nghìn bảy trăm) đồng.

Chị Lê Thị L được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.907.350 (Bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn ba trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0016182 ngày 03 tháng 4 năm 2018.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Minh

